ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59 /2023/QĐ-UBND	*Kon Tum, ngày 25 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nghề đào tạo, đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng; Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Danh mục chi tiết dịch vụ sự

nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phê duyệt danh mục nghề đào tạo, đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo cho từng nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; cơ quan tham mưu, giúp quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của tỉnh.

3. Người tham gia chương trình đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng trên địa bàn tỉnh theo danh mục được quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quyết định này.

Điều 3. Danh mục nghề đào tạo và đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng

Danh mục nghề đào tạo và đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng được quy định tại **Phụ lục I** kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Danh mục nghề đào tạo, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng

1. Danh mục nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng mà khi người học đăng ký tham gia được hỗ trợ chi phí đào tạo quy định tại **Phụ lục II** kèm theo Quyết định này.

2. Mức hỗ trợ chi phí cho người học khi đăng ký tham gia khóa đào tạo đối với 01 (một) nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng quy định tại khoản 1 Điều này là mức tối đa được quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kon Tum; Giám đốc các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh Kon Tum;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.KGVX.PTDL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Lê Ngọc Tuấn

PHỤ LỤC 1

Danh mục nghề đào tạo và đơn giá đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo nghề dưới 03 (ba) tháng

(Kèm theo Quyết định số: 59 /2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên nghề	Trình độ đào tạo	Đơn giá đặt hàng đào tạo (*Đồng*)
I	**Nghề phi nông nghiệp**		
1	Dệt thổ cẩm	Sơ cấp	2.100.000
2	Hàn điện	Sơ cấp	2.180.000
3	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	2.550.000
4	May công nghiệp	Dưới 3 tháng	1.600.000
5	Đan lát thủ công	Dưới 3 tháng	1.700.000
6	Chăm sóc sắc đẹp	Dưới 3 tháng	1.600.000
7	Dịch vụ nhà hàng	Dưới 3 tháng	1.600.000
8	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Dưới 3 tháng	900.000
9	Chế biến rượu cần	Dưới 3 tháng	900.000
10	Làm chổi đót	Dưới 3 tháng	880.000
II	**Nghề nông nghiệp**		
1	Chăm sóc cà phê vối	Dưới 3 tháng	990.000
2	Chăm sóc cà phê catimor	Dưới 3 tháng	1.050.000
3	Trồng rau an toàn	Dưới 3 tháng	1.250.000
4	Kỹ thuật nuôi thỏ	Dưới 3 tháng	1.690.000
5	Nuôi và phòng, trị bệnh cho gà	Dưới 3 tháng	1.590.000
6	Nuôi và phòng, trị bệnh cho dê	Dưới 3 tháng	1.690.000
7	Chăn nuôi heo sinh sản	Dưới 3 tháng	1.340.000
8	Trồng và chăm sóc cây sầu riêng	Dưới 3 tháng	880.000
9	Trồng và chăm sóc cây bơ	Dưới 3 tháng	620.000
10	Trồng và chăm sóc cây chanh dây	Dưới 3 tháng	930.000
11	Trồng và chăm sóc cây dược liệu dưới tán rừng (Vằng đắng, Quế, Sơn tra, sa nhân, ngũ vị tử…)	Dưới 3 tháng	1.200.000
12	Trồng mía đường	Dưới 3 tháng	900.000
13	Trồng lúa	Dưới 3 tháng	900.000
14	Trồng nấm rơm	Dưới 3 tháng	800.000
15	Chế biến phụ phẩm nông nghiệp làm thức ăn chăn nuôi	Dưới 3 tháng	900.000

PHỤ LỤC 2
Danh mục nghề đào tạo
(Kèm theo Quyết định số: 59 /2023/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên nghề	Trình độ đào tạo
I	**Nghề phi nông nghiệp**	
1	Tạc tượng gỗ	Sơ cấp
2	Tạc tượng	Sơ cấp
3	Thiết kế, lắp ráp sản phẩm mộc dân dụng	Sơ cấp
4	Hàn hơi - inox	Sơ cấp
5	Cắt gọt kim loại	Sơ cấp
6	Điện dân dụng	Sơ cấp
7	Lắp đặt hệ thống điện, nước gia đình	Sơ cấp
8	Lắp đặt hệ thống điện cho cơ sở sản xuất vừa và nhỏ	Sơ cấp
9	Sửa chữa động cơ điện	Sơ cấp
10	Cơ Điện tử nông thôn	Sơ cấp
11	Sửa chữa điện – điện lạnh ô tô	Sơ cấp
12	Sửa chữa, bảo trì tủ lạnh và điều hòa nhiệt độ	Sơ cấp
13	Sửa chữa xe máy	Sơ cấp
14	Chế tác nhạc cụ âm nhạc truyền thống	Dưới 3 tháng
15	Rèn thủ công	Dưới 3 tháng
16	Trang điểm thẩm mỹ	Dưới 3 tháng
17	Thiết kế mẫu tóc	Dưới 3 tháng
18	Cắt và tạo mẫu tóc	Dưới 3 tháng
19	Chăm sóc da	Dưới 3 tháng
20	Kỹ thuật trang điểm	Dưới 3 tháng
21	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nhà hàng, khách sạn	Dưới 3 tháng
22	Dịch vụ khách sạn	Dưới 3 tháng
23	Nghề xoa bóp, bấm huyệt	Dưới 3 tháng
24	Nghề sản xuất men rượu	Dưới 3 tháng
25	Trang trí nội thất	Dưới 3 tháng
26	Kỹ năng bán hàng	Dưới 3 tháng
27	Chế tác nỏ	Dưới 3 tháng
28	Đan lưới đánh bắt cá	Dưới 3 tháng
29	Dịch vụ chăm sóc gia đình	Dưới 3 tháng
II	**Nghề nông nghiệp**	
1	Trồng và chăm sóc cây cao su	Dưới 3 tháng
2	Chăm sóc cà phê	Dưới 3 tháng
3	Trồng và chăm sóc cây chè	Dưới 3 tháng
4	Kỹ thuật sản xuất rau an toàn ứng dụng Công nghệ cao	Dưới 3 tháng
5	Kỹ thuật nuôi vịt trời	Dưới 3 tháng
6	Kỹ thuật nuôi dúi	Dưới 3 tháng

TT	Tên nghề	Trình độ đào tạo
7	Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cảnh	Dưới 3 tháng
8	Nuôi và phòng trị bệnh cho vịt	Dưới 3 tháng
9	Kỹ thuật chăn nuôi gia cầm	Dưới 3 tháng
10	Chăn nuôi bò thịt	Dưới 3 tháng
11	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh cho Hươu sao lấy nhung.	Dưới 3 tháng
12	Trồng và chăm sóc cây mít	Dưới 3 tháng
13	Trồng và chăm sóc cây ăn quả	Dưới 3 tháng
14	Kỹ thuật trồng cây ăn quả	Dưới 3 tháng
15	Trồng và chăm sóc cây ăn quả có múi (Cam, chanh, quýt, bưởi)	Dưới 3 tháng
16	Trồng, chăm sóc cây đinh lăng	Dưới 3 tháng
17	Trồng thiên môn đông, cà gai leo, hạ thủ ô đỏ làm dược liệu	Dưới 3 tháng
18	Sơ chế, chế biến cà phê	Dưới 3 tháng
19	Trồng sắn	Dưới 3 tháng
20	Trồng ngô lai	Dưới 3 tháng
21	Trồng lúa Vietgap	Dưới 3 tháng
22	Trồng, chăm sóc tre lấy măng	Dưới 3 tháng
23	Trồng nấm mộc nhĩ	Dưới 3 tháng
24	Trồng và chăm sóc cây sả Java	Dưới 3 tháng
25	Kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh	Dưới 3 tháng
26	Kỹ thuật chế biến, bảo quản nông sản, trái cây sau thu hoạch	Dưới 3 tháng
27	Kỹ thuật nuôi ba ba	Dưới 3 tháng
28	Kỹ thuật nuôi lươn	Dưới 3 tháng
29	Nuôi chim cút	Dưới 3 tháng
30	Trồng dâu, nuôi tằm	Dưới 3 tháng
31	Nuôi cá lồng bè	Dưới 3 tháng
32	Nuôi cá nước ngọt	Dưới 3 tháng
33	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá nước ngọt	Dưới 3 tháng
34	Nuôi và phòng trị bệnh cho cá rô phi	Dưới 3 tháng
35	Nuôi lươn không bùn và phòng trị bệnh cho lươn	Dưới 3 tháng
36	Nuôi và phòng trị bệnh cho hươu sao	Dưới 3 tháng
37	Sử dụng phân bón	Dưới 3 tháng
38	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	Dưới 3 tháng
39	Thú y	Dưới 3 tháng
40	Chăn nuôi - thú y	Dưới 3 tháng